

Số thập phân

round and compare



Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào ô trống:

1. 0.983 0.683

2. 452.1 63.187

3. 0.783 0.785

4. 781.3 0.987

5. 623.14 637.15

| |

6. 21.064 21.009

| |



Làm tròn các số sau:

1. Làm tròn số 14.903 đến 1 chữ số thập phân = 14.9

2. Làm tròn số 829.9 thành số nguyên gần nhất 830

3. Làm tròn số 6.007 đến 1 chữ số thập phân 6.0

4. Làm tròn số 17.899 đến 2 chữ số thập phân 17.90

5. Làm tròn số 72.63 thành số nguyên gần nhất 73